

BẢN TIN THAN NGÀY

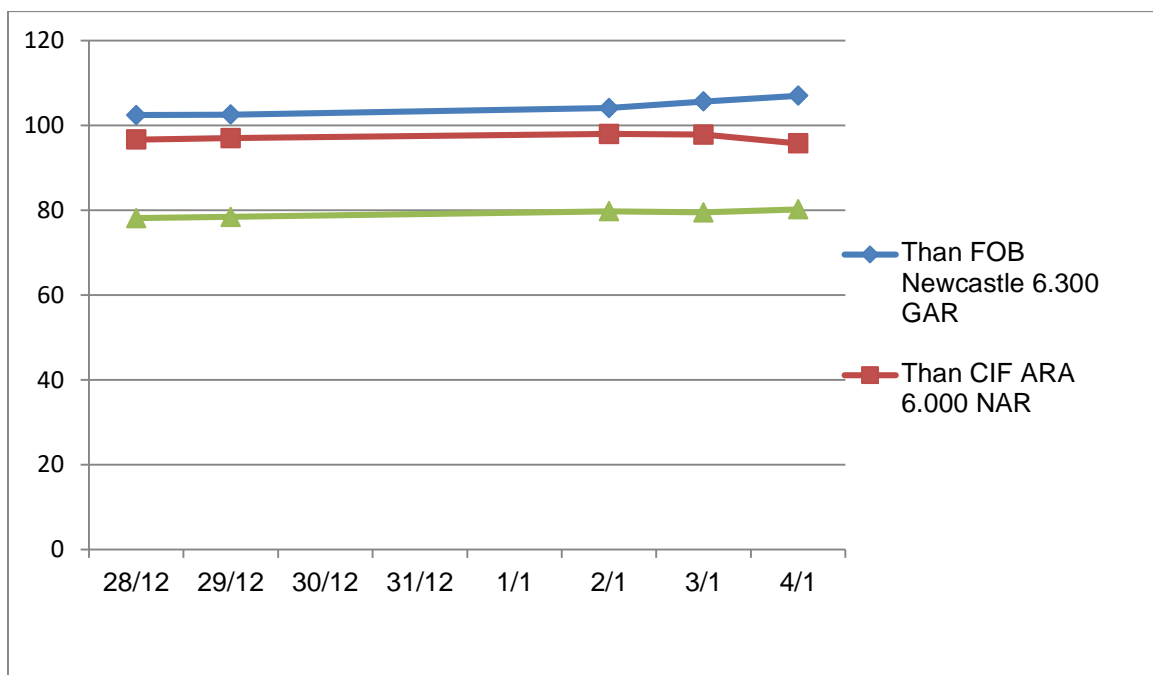
Ngày 05/01/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	107,00	+1,35	108,25	+2,25
CIF ARA 6.000 NAR	95,75	-2,01	96,00	-1,80
FOB Richards Bay 5.500 NAR	80,20	+0,70	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	84,20	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	67,10	+0,20

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	55,80	+0,80	422,77	+5,97
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	74,75	+0,30	566,34	+2,14
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	88,00	+0,30	666,74	+2,12

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 04/01/2018)

DIỂM TIN

Các công ty Trung Quốc tìm mua than Newcastle trên thị trường Châu Á

Giá than Australia, điều kiện FOB đã tăng lên 1 – 2 USD/tấn trong phiên giao dịch tại thị trường Châu Á hôm thứ 4 vừa qua khi những khách hàng Trung Quốc tìm mua than nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR độ tro cao để dự trữ tại các kho của NMNĐ phục vụ cho kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán vào tháng 2 tới. Trong ngày thứ 4, đã có một số HSMT mua than Australia nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR giao hàng trong cuối tháng 1 – đầu tháng 2 với giá 78 – 79 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle. Mức giá này cao hơn trước thời điểm Giáng Sinh với 75 – 76 USD/tấn.

Do nhu cầu lớn từ phía Trung Quốc kết hợp với giá cước vận chuyển hàng khô rời giảm trong thời gian gần đây, đã tạo điều kiện cho giá than theo điều kiện FOB cung cấp cho các thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc tăng lên. Giá cước vận chuyển hàng khô rời bằng tàu Capesize từ Newcastle đến Trung Quốc hiện ở mức 8,50 USD/tấn, giảm từ mức 12 USD/tấn trước kỳ nghỉ Giáng Sinh. Mặc dù vậy trong ngày thứ 4 vừa qua, giá thuê 2 tàu Capesize, đều xuất phát từ cảng Newcastle đi các cảng của Hàn Quốc lại có sự chênh lệch rõ rệt. Một tàu sẽ cập cảng Pohang vào đầu tháng 1 với giá cước 9,75 USD/tấn, tàu còn lại đến cảng Dangjin trong nửa cuối tháng 1 với mức giá chỉ 7,12 USD/tấn.

Trong khi đó thủ tục thông quan tại các cảng của Trung Quốc được hoàn thành nhanh hơn đã đẩy mạnh tốc độ nhập khẩu than. Các NMNĐ của Trung Quốc cần phải tăng lượng than dự trữ trong kho do lượng than tiêu thụ hàng ngày ở mức cao trong mùa đông. Sở dĩ giá than tăng cao đặc biệt đối với các đơn hàng giao lẻ do lượng than lưu trữ tại kho của các NMNĐ của Trung Quốc đang ở mức thấp, cần phải được bổ sung ngay lập tức. Nhưng quan trọng hơn đó là Chính phủ nước này đã nới lỏng lệnh hạn chế nhập khẩu cũng như đẩy nhanh thời gian thông quan tại các cảng biển của Trung Quốc.

Các NMNĐ của Trung Quốc tăng cường mua than giao lẻ

Lệnh hạn chế nhập khẩu tại các cảng phía Nam và phía Đông của Trung Quốc đã khiến thị trường than nhập khẩu của Trung Quốc ảm đạm trong vài tháng qua. Tuy nhiên những tín hiệu tích cực về việc các lệnh này được nới lỏng tại một số cảng của Trung Quốc đã khiến thị trường nhập khẩu than tại đây dần nóng trở lại.

Tại cảng Qinhuangdao ở khu vực Đông Bắc Trung Quốc, giá giao lẻ than 5.500 kcal/kg NAR được giao dịch quanh mức 710 NDT/tấn, điều kiện FOB, so với giá chào bán khoảng 715 NDT/tấn. Đối với các NMNĐ, thời gian chờ đợi kéo dài đã khiến giá than trong nước tăng lên mức đỉnh. Cụ thể giá than nội địa Trung Quốc nhiệt trị 5.000 kcal/kg đang được giao dịch ở mức 635 - 640 NDT/tấn, điều kiện FOB Qinhuangdao.

Trong khi đó NMNĐ Guodian Fujian của Trung Quốc trong ngày thứ 3 đã đóng 1 gói thầu mua 390.000 tấn than nhiệt nhập khẩu vận chuyển đến Fuzhou và NMNĐ Quanzhou vào tháng 2 tới. Nhiệt trị yêu cầu trong khoảng từ 3.300 – 4.600 kcal/kg NAR, 1,3% lưu huỳnh. Nhà máy này đã chọn mua than Indonesian nhiệt trị 3.800 kcal/kg NAR ở mức 48,30 USD/tấn, giao hàng trên tàu có cầu trong tháng 1.

Theo các chuyên gia, nhu cầu mua than sẽ bắt đầu giảm vào cuối tháng 1, trước Tết Nguyên Đán, kết hợp với lượng than vận chuyển bằng đường sắt đến cảng Qinhuangdao được dự báo cũng sẽ phục hồi. Giá chào cho than Indonesia nhiệt trị 3.800 kcal/kg NAR, vận chuyển trên tàu Panamax ở mức 49 USD/tấn, điều kiện FOB, với than nhiệt trị 4.800 kcal/kg NAR, 1,4 lưu huỳnh, giá thầu ở mức 70,30 USD/tấn, điều kiện FOB, so với mức giá thầu đưa ra chỉ ở mức 69 USD/tấn. Giá cước vận chuyển tuyến Kalimantan đi Trung Quốc quay lại mức 6,20 USD/tấn trong tuần này từ mức 7 USD/tấn lúc 2 tuần trước đó.

21 tàu chờ làm hàng tại cảng Richards Bay Coal Terminal

Trong ngày thứ 4 vừa qua, tại cảng Richards Bay Coal Terminal (RBCT) của Nam Phi đã có đến 21 tàu chậm làm hàng, giảm từ con số 28 tàu hồi 1 tuần trước đó. Tương tự như tình trạng vài tuần trước, nguyên nhân của sự chậm trễ là do thời tiết bất lợi trong khu vực đã ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cảng. Theo cảng vụ, tình hình thời tiết dự kiến sẽ tốt dần dần và giảm dần số lượng tàu chờ trong những tuần tới.

Trong số 21 tàu đang chờ làm hàng, 13 tàu trong số đó đến trong tuần trước, 8 tàu còn lại đến trong khoảng từ 20 – 26/12. Đặc biệt tàu Capesize CSK Brilliance đã đến từ ngày 20/12 tuy nhiên hiện tại vẫn đang phải chờ làm hàng từ ngoài khơi. Theo dữ liệu của cảng vụ, sắp tới sẽ có thêm 11 tàu trở về từ Ấn Độ và Sri Lanka, 3 tàu từ Singapore, 3 tàu từ Hàn Quốc, Saudi Arabia và Australia. Hiện tại có đến 9 tàu đang làm hàng tại các bến than, trọng tải trung bình của các tàu bị chậm làm hàng là 102.535 tấn. Ước tính hiện có khoảng 4,5 triệu tấn than trong kho dự trữ tại RBCT.

Giá trên thị trường cho than nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR của Nam Phi đã tăng trong thời gian cuối năm khi 1 đơn hàng 50.000 tấn than loại này giao trong tháng 1 với mức giá 95,50 USD/tấn hôm thứ 4 vừa qua. Trong khi đó than nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR được Platts định giá 79,75 USD/tấn hôm thứ 3, tăng 1,70 USD/tấn so với tuần trước. Việc tàu chậm làm hàng không ảnh hưởng lớn đến giá than trên thị trường do đây là tình trạng diễn ra hàng năm và các công ty đã lường trước được.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	8,60	+0,85
	Queensland	Nhật Bản	9,25	+0,45
	New South Wales	Hàn Quốc	9,50	+0,45
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,40	+0,25
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,50	-0,35
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,60	+0,25
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,20	-0,30
	Úc	Trung Quốc	11,50	+0,05
	Úc	Ấn Độ	12,90	+0,05

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 04/01/2018)